

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020  
thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 47/TTr-SNN ngày 20/3/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí).

Bộ tiêu chí là căn cứ để rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn mới, mức độ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí và xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch thực hiện hàng năm, trung hạn 5 năm trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; là cơ sở để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và xét khen thưởng trong phong trào thi đua “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai

thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 để chỉ đạo, xử lý.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo quy định tại Quyết định này.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định tại Quyết định này; chỉ đạo tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm theo đúng quy định.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Quy định nội dung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Khi Trung ương điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí thì những tiêu chí tương ứng trong Quyết định này được áp dụng theo quy định mới của Trung ương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCĐTW các Chương trình MTQG (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới TW;
- Các Thành viên BCĐ các CT MTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNXD, NC, KGXH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**★ Võ Ngọc Thành**



**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020  
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã <sup>(1)</sup> được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%	
		2.2. Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng được cứng hóa <sup>(2)</sup> , đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa <sup>(3)</sup>	Đạt 100%, Trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	

(\*\*\*) : Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(\*\*) : Xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định.

(\*) : Xã khu vực I là các xã còn lại.

(Xã khu vực I, II, III được quy định cụ thể tại Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020).

<sup>(1)</sup> Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

<sup>(2)</sup> Cứng hóa là: là đường được trải bằng một trong những loại vật liệu như: bê tông nhựa; đá dăm, cấp phối đá dăm láng nhựa; bê tông xi măng; đá dăm, cấp phối đá dăm, đá thái, đá chẻ, gạch lát, gạch vỡ, cuội sỏi, cát sỏi.

<sup>(3)</sup> Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Là đường đảm bảo cho xe ô tô (2,5 tấn), xe máy, xe thô sơ qua lại thuận lợi, không bị ùn tắc.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên <sup>(4)</sup>		Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện		≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia		≥70%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	<b>I. Nhà văn hóa - khu thể thao thôn hoặc liên thôn</b>	
			1. Diện tích đất quy hoạch:	

<sup>(4)</sup> Quy định nội dung 3.1 của Tiêu chí thủy lợi:

- Đối với xã có công trình thủy lợi:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong khu tưới của công trình thủy lợi, được tưới, tiêu chủ động đạt từ 80% năng lực thiết kế trở lên.

+ Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp không nằm trong khu tưới của công trình thủy lợi, mà sử dụng nguồn nước khác (nhân dân tự đào giếng, khoan giếng, đào ao trữ nước, sông, suối tự nhiên, nước trời ...) nhưng vẫn đảm bảo sản xuất phù hợp với điều kiện đất đai, loại cây trồng với tỷ lệ diện tích được tưới đạt từ 80% trở lên.

- Đối với xã không thể xây dựng công trình thủy lợi nhưng vẫn đảm bảo sản xuất phù hợp với điều kiện đất đai, loại cây trồng (nhân dân tự đào giếng, khoan giếng, đào ao trữ nước, sông, suối tự nhiên, ...) với tỷ lệ diện tích được tưới đạt từ 80% trở lên.

- Đối với xã có đất nuôi trồng thủy sản, tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động đạt từ 80% trở lên.



Tên nội dung tiêu chí

**Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới**

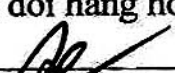
<b>Xã khu vực I<sup>(*)</sup>, II<sup>(**)</sup></b>	<b>Xã khu vực III<sup>(***)</sup></b>
------------------------------------------------------	---------------------------------------

1.1. Nhà văn hóa xã: Từ 200 m <sup>2</sup> trở lên.	Từ 100 m <sup>2</sup> trở lên.
1.2. Khu thể thao: Từ 300m <sup>2</sup> trở lên	Từ 200m <sup>2</sup> trở lên
1.3. Có 100% thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, trong đó 50% trở lên nhà văn hóa thôn đạt tiêu chí theo quy định.	
2. Quy mô xây dựng:	
2.1. Nhà văn hóa: Từ 80 chỗ ngồi trở lên	Từ 50 chỗ ngồi trở lên
2.2. Sân khấu trong hội trường: Từ 25m <sup>2</sup> trở lên	Từ 15m <sup>2</sup> trở lên
2.3. Sân tập thể thao đơn giản: Từ 200m <sup>2</sup> trở lên.	
2.4. Công trình phụ trợ (nơi để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, công, tường rào bảo vệ): Đạt 80%	
3. Trang thiết bị:	
3.1. Trang bị của hội trường Nhà văn hóa: Đạt 80% (trong đó, phải có: Bộ trang âm; Bộ trang trí, khánh tiết; Bàn, ghế phục vụ sinh hoạt).	
3.2. Dụng cụ thể thao: Một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương: Đạt 80%.	
4. Kinh phí hoạt động thường xuyên:	
4.1. Ngân sách địa phương hỗ trợ: 60%	
4.2. Kinh phí do nhân dân đóng góp và xã hội hóa: 40%.	
5. Cơ cấu tổ chức:	
5.1. Chủ nhiệm: Trưởng thôn, Trưởng làng đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	
5.2. Cộng tác viên: Những người hoạt động nghiệp vụ không chuyên trách đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	
6. Kết quả thu hút nhân dân tham gia hoạt động:	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
			6.1. Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên: 30% trở lên/tổng số dân	
			6.2. Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên: 15% trở lên/tổng số dân	
			6.3. Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em: 20% thời gian hoạt động	
			<b>II. Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã:</b>	
			1. Diện tích đất quy hoạch:	
			1.1. Hội trường Văn hóa đa năng:	
			Từ 300m <sup>2</sup> trở lên	Từ 200m <sup>2</sup> trở lên
			1.2. Khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động)	
			Từ 1.200m <sup>2</sup> trở lên	Từ 500m <sup>2</sup> trở lên
			2. Quy mô xây dựng:	
			2.1. Hội trường Văn hóa đa năng:	
			Từ 150 chỗ ngồi trở lên	Từ 100 chỗ ngồi trở lên
			2.2. Phòng chức năng Nhà văn hóa đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ hoặc tập các môn thể thao đơn giản): 04 phòng trở lên.	
			2.3. Xây dựng các công trình thể thao theo quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục thể thao và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các công trình thể dục thể thao.	
			2.4. Công trình phụ trợ trung tâm Văn hóa, thể thao (nơi để xe, khu vệ sinh, vườn hoa): Đạt 80%.	
			3. Trang thiết bị:	
			3.1. Hội trường Văn hóa đa năng có: Bàn, ghế, giá tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh: Đạt 80%.	
			3.2. Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và phù hợp với phong trào thể thao quần chúng của địa phương: Đạt 80%.	



TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
		Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
		<p>4. Cơ cấu tổ chức: UBND huyện ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa thể thao xã (Căn cứ theo Thông tư số 12/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định mẫu tổ chức, hoạt động về tiêu chí Trung tâm Văn hóa thể thao xã).</p>	
		<p>4.1. Chủ nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên môn văn hóa, thể dục thể thao: do Bí thư Đoàn Thanh niên xã kiêm nhiệm (nếu đủ điều kiện) hoặc do công chức văn hóa-xã hội xã phụ trách lĩnh vực văn hóa kiêm nhiệm (nếu chưa kiêm phụ trách Đài truyền thanh), trường hợp không bố trí được 02 chức danh trên để kiêm nhiệm thì bố trí một cán bộ hoạt động không chuyên trách có chuyên môn phù hợp để quản lý (với điều kiện không vượt số lượng người và kinh phí khoán quy định tại Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh).</li> <li>- Chủ nhiệm được hưởng phụ cấp theo quy định tại tiết 2, điểm a, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh.</li> </ul>	
		<p>4.2. Phó chủ nhiệm: Thực hiện kiêm nhiệm do Chủ nhiệm đề xuất và được Chủ tịch UBND xã đồng ý</p>	
		<p>4.3. Cộng tác viên là những người có nghiệp vụ không chuyên trách: Hoạt động thường xuyên</p>	
		<p>5. Kinh phí hoạt động: UBND xã đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm</p>	
		<p>6. Hoạt động Văn hóa văn nghệ:</p>	
		<p>6.1. Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị: Tối thiểu 4 cuộc/năm.</p>	
		<p>6.2. Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng: Tối thiểu 2 cuộc/năm.</p>	
		<p>6.3. Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ (như: thơ ca; bóng đá; bóng chuyền; cầu lông; võ thuật; thể thao dân tộc: Đẩy gậy, bắn nỏ, cày kéo,</p>	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
			kéo co...): 03 câu lạc bộ trở lên.	
			6.4. Thư viện, phòng đọc sách, báo: Có hoạt động	
			6.5. Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc: Có hoạt động.	
			6.6. Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa: Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.	
			7. Hoạt động thể dục thể thao:	
			7.1. Thi đấu thể thao: 4 cuộc/năm.	
			7.2. Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.	
			8. Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em:	
			Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: Đạt 20% thời gian hoạt động.	
			9. Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ	
Chỉ đạo, hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng hiện có: Đạt 100%.				
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định <sup>(5)</sup>	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	<p>* Xã đạt chuẩn tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã có chợ nông thôn<sup>(6)</sup> hoặc chợ liên xã.</li> <li>- Xã có điểm, nơi mua bán trao đổi hàng hóa<sup>(7)</sup>.</li> </ul> 	





Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
		Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
8	Thông tin và Truyền thông	<p>* Đối với xã chưa có hoặc không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Trường hợp xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng hoặc xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch thì sẽ không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và xã được công nhận đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.</p>	
	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính <sup>(8)</sup>	Xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính (điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ hoặc điểm phục vụ bưu chính không có người phục vụ: thùng thư công cộng) để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.	
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	<p>Điều kiện tối thiểu xã đạt chuẩn:</p> <p>1. Tất cả các thôn, làng trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng, khi có:</p> <p>- Ít nhất 01 trong 02 loại dịch vụ điện thoại: Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, dịch vụ thông tin di động mặt đất;</p>	

<sup>(5)</sup> Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

<sup>(6)</sup> Chợ nông thôn: là chợ xã của các huyện và ở khu vực ngoại thành, ngoại thị (theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ).

<sup>(7)</sup> Điểm, nơi mua bán trao đổi hàng hóa: là các cơ sở bán lẻ, gồm: siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

+ Siêu thị mini là loại hình siêu thị có diện tích nhỏ hơn và danh mục hàng hóa kinh doanh với số lượng tên hàng ít hơn siêu thị hạng III được quy định tại Khoản 3, Điều 3 của Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại được phê duyệt theo Quyết định số 1371/2003/QĐ-BTM.

+ Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp ở nông thôn là loại hình cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ; kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thiết yếu với cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân.

<sup>(8)</sup> Điểm phục vụ bưu chính gồm: bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hóa xã, kiốt, đại lý, thùng thư công cộng thuộc mạng bưu chính công cộng để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
			<p>- Ít nhất 01 trong 02 loại dịch vụ truy nhập internet: Dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất; dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.</p> <p>2. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện tại Mục 1 nêu trên thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet.</p>	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đảm bảo đạt 4 nội dung sau:	
			<p>- Về kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: Xã có ít nhất 2/3 số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và phải sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn.</p>	
			<p>- Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu quy định theo từng năm như sau:</p>	
			<p>Năm 2017: 30%</p> <p>Năm 2018: 35%</p> <p>Năm 2019: 45%</p> <p>Năm 2020: 50%</p>	<p>Năm 2017: 20%</p> <p>Năm 2018: 30%</p> <p>Năm 2019: 40%</p> <p>Năm 2020: 50%</p>
			<p>- Máy tính của các cơ quan: Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã có sử dụng dịch vụ truy nhập internet và thực hiện nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet.</p>	
			<p>- Xã có trang thông tin điện tử riêng hoặc trang thông tin điện tử thành phần trên Trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh, huyện</p>	




Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới		
		Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>	
		và phải cung cấp tối thiểu các thông tin sau: + Tổ chức bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức; + Thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống, văn hóa, di tích, danh thắng (nếu có); + Tin tức về hoạt động của cơ quan nhà nước; + Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách; + Thông tin về định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; + Cung cấp các quy trình, mẫu biểu thủ tục hành chính cấp xã trên Trang thông tin điện tử riêng của xã hoặc trên Trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh, huyện.		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥75%	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người/năm)	Năm 2017: 31 Năm 2018: 35 Năm 2019: 38 Năm 2020: 41	Năm 2017: 26 Năm 2018: 31 Năm 2019: 35 Năm 2020: 38
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤7%	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt <i>Ghi chú:</i> - Riêng đối với xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017, có Hợp tác xã mới được thành lập trong năm 2017 thì không xét đến yêu cầu tài chính, còn các năm tiếp theo (từ năm 2018 trở đi) khi đánh giá tiêu chí cho các xã phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu trên.  - Đối với những xã hiện chưa có Hợp tác xã nhưng người dân của xã đã tham gia là thành viên của Hợp tác xã liên xã thì được công nhận đạt nội dung 13.1 khi xã có ít nhất 07 người của xã là thành viên của Hợp tác xã liên xã (khi rà soát, đánh giá xã đạt nội dung 13.1, UBND xã phải có văn bản xác minh người dân của xã tham gia là thành viên của Hợp tác xã liên xã).	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%	





	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới			
		Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>		
	14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo	≥25%			
15	Y tế	Đạt			
	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế			≥85%	
	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế			Đạt	
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤31,4%			
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định ≥70%			
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	Đạt			
	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường			≥95% (≥50% nước sạch)	
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định			100%	
	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn			Đạt	
	17.4. Mai táng phù hợp với phong tục tập quán, quy định chính quyền và theo quy hoạch	Quy định cụ thể (đạt các yêu cầu sau): - Mỗi thôn hoặc liên thôn hoặc xã tùy điều kiện của mỗi nơi có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp với tập quán của địa phương. - Đối với khu vực chôn cất (mai táng người chết) phải được thực hiện ở nghĩa trang (thôn, làng, liên			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
			<p>thôn, xã) theo quy định, quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt, không được chôn cất ngoài khu vực nghĩa trang.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các nghĩa trang của thôn, làng hoặc xã đã hình thành lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100m cần thực hiện cải tạo nâng cấp các nghĩa trang (có đường đi, cây xanh, hàng rào ngăn, có hệ thống mương thoát nước mặt, ...).</li> <li>- Tiến hành cắm mốc nghĩa trang. Khoảng cách tối thiểu từ ranh giới nghĩa trang, nơi chôn cất người chết đến khu dân cư tối thiểu là 100m.</li> <li>- Có quy chế quản lý nghĩa trang do tổ tự quản xây dựng hoặc thôn, xã xây dựng mẫu để công bố cho dân biết (có Quy chế quản lý cụ thể bằng văn bản).</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích nhân dân cải táng các mộ nằm phân tán, nhỏ lẻ, gần khu dân cư quy tập vào khu vực nghĩa trang đã được quy hoạch.</li> <li>- Đối với các nghĩa trang nằm bên quốc lộ phải trồng cây xanh ngăn cách, đảm bảo không ảnh hưởng đến mỹ quan.</li> <li>- Các nghĩa trang trong khu dân cư nông thôn phải có tường rào cây xanh bao quanh với chiều cao đủ đảm bảo cho dân cư xung quanh không bị ảnh hưởng.</li> <li>- Việc an táng người chết phải được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt đẹp, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại. Không được chôn chung nhiều người chết trong một nhà mồ.</li> <li>- Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa trang, phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường theo quy định.</li> </ul>	
		17.5. Chất thải rắn		



		Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
		trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%.	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	100%	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn		
			<i>De</i>	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I <sup>(*)</sup> , II <sup>(**)</sup>	Xã khu vực III <sup>(***)</sup>
		tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước	Đạt	